

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 20 – 8 – 2024

V/v: *Kiện xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Bà Đặng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 20/8/2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2024 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thủy T, sinh năm 1994.

ĐKKHKT và địa chỉ cần báo: Số A đường T, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lương Minh N, sinh năm 1996.

ĐKKHKT và địa chỉ cần báo: Số A đường T, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lương Minh N – là đối tượng đang hưởng chế độ trợ cấp đối với người bị ảnh hưởng bởi chất độc da cam: Bà Phan Thị Bích T - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/6/2024, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Dương Thị Thuỷ T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Minh N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2021 tại UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn. Về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình khác biệt, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hai bên mâu thuẫn không đi đến thống nhất, đã cố gắng hoà hợp vì con cái nhưng không có kết quả. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn.

Về con chung: Chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Nữ Thiên Ân, sinh ngày 07/12/2021 và cháu Lương Minh K, sinh ngày 05/11/2023. Hiện nay các con chung đang sống với chị T. Vì các con còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con. Yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 12/7/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Lương Minh N trình bày:*

Về tình cảm: Hoàn toàn thừa nhận anh và chị Dương Thị Thuỷ T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn đúng như chị T đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị T đã trình bày, mặc dù đã cố gắng hoà giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên anh N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Nữ Thiên Ân, sinh ngày 07/12/2021 và cháu Lương Minh Khang, sinh ngày 05/11/2023. Hiện các con đang sống với chị T. Sau ly hôn, anh N muốn được nuôi một con chung là cháu Lương Nữ Thiên Ân, sinh ngày 07/12/2021 và giao cháu Lương Minh K, sinh ngày 05/11/2023 cho chị T nuôi dưỡng. Nếu không được nuôi con mà giao cả 02 con cho chị T nuôi dưỡng thì anh N sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lương Minh N – là đối tượng đang hưởng chế độ trợ cấp đối với người bị ảnh hưởng bởi chất độc da cam: Bà Phan Thị Bích T, Trợ giúp viên – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình trình bày ý kiến:* Việc kết hôn của hai bên đương sự là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hoà giải và đều thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị Toà án công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh N. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Nữ Thiên Â, sinh ngày 07/12/2021 và cháu Lương Minh K, sinh ngày 05/11/2023. Các con hiện đều dưới 36 tháng tuổi và đang sống cùng với chị T. Nguyên vọng muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc con sau ly hôn của anh N là hoàn toàn chính đáng. Vì vậy đề nghị Toà án xem xét các điều kiện thực tế và quy định của pháp luật để xem xét việc giao nuôi con chung nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện của các con sau khi ba mẹ ly hôn.

Tại các phiên hoà giải, các bên đương sự đều giữ nguyên quan điểm của mình. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên ngày 09/8/2024, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-HNGĐ đưa vụ án ra xét xử vào ngày 20/8/2024. Tại phiên toà, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị Thuỷ T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Lương Minh N có đăng ký tạm trú tại: Số nhà A đường T, Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thuỷ T và anh Lương Minh N đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2021 tại UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân

bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu sự sẻ chia trách nhiệm. Chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn ly hôn. Anh N cũng hoàn toàn thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra những bất đồng không thể hoà giải được và đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình: công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Dương Thị Thuỷ T và anh Lương Minh N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Hai bên đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Nữ Thiên Â, sinh ngày 07/12/2021 và cháu Lương Minh K, sinh ngày 05/11/2023. Chị Dương Thị Thuỷ T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Anh Lương Minh N có nguyện vọng được nuôi cháu Lương Nữ Thiên Â, sinh ngày 07/12/2021. Trường hợp giao cả 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng thì anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Xét thấy nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của chị Dương Thị Thuỷ T và anh Lương Minh N là chính đáng. Do vậy cần phải xem xét quy định của pháp luật và điều kiện của Bố hoặc Mẹ tốt hơn cho việc trong nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì thấy rằng: các cháu Lương Nữ Thiên Â sinh ngày 07/12/2021 và cháu Lương Minh K, sinh ngày 05/11/2023 đều đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống ổn định với chị T tại nhà bà ngoại ở số nhà A, đường T, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Bản thân anh N hiện chuyển ra ngoài sinh sống nên đang đi thuê nhà ở. Do đó cần giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị T và anh N đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Chị T, Anh N mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên Chị T thoả thuận chịu

nộp thay anh N tổng cộng số tiền 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ anh Lương Minh N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thủy T và anh Lương Minh N.

2. *Về nuôi con chung:* Giao chị Lương Thị Thủy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lương Nữ Thiên Â, sinh ngày 07/12/2021 và cháu Lương Minh K, sinh ngày 05/11/2023. Anh Lương Minh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Chị T, Anh N mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên Chị T thỏa thuận chịu nộp thay anh N tổng cộng số tiền 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001265 ngày 04/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ Anh Lương Minh N phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/8/2024) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Phúc Nam